Chi tiết mã HS 8522.90.50

Mã HS	8522.90.50
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị của nhóm 85.19 hoặc 85.21 / - Loại khác: / - - Đầu đọc hình hoặc âm thanh, kiểu từ tính; đầu và thanh xoá từ
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 06:15:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85229050/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15459
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15459
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15459
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14772
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14713
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14713
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14713
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14713
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14713
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14713
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14767
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14767

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14767
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14767
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14767
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14767
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14768
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14768
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14768
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14768
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14768
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14768
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14771
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14719
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14727
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14727
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14727
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14727
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14727
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14727
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14758
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14758
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14758
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14758
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14758
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14758
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14813
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14813

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14813
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14813
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14813
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14813
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14792
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14792
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14792
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14792
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14792
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14792
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14790
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14790
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14790
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14790
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14790
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14790
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14805
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14805
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14805
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14805
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14805
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14805
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14804
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14804
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14804
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14804

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14804
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14804
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14797
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14797
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14797
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14797
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14797
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14797
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14797
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14792
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14792
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14792
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14792
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14792
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14792
RCEP B	2022	2022	0	B!D14792
RCEP B	2023	2023	0	B!E14792
RCEP B	2024	2024	0	B!F14792
RCEP B	2025	2025	0	B!G14792
RCEP B	2026	2026	0	B!H14792
RCEP B	2027	2027	0	B!I14792
RCEP C	2022	2022	0	C!D14792
RCEP C	2023	2023	0	C!E14792
RCEP C	2024	2024	0	C!F14792
RCEP C	2025	2025	0	C!G14792
RCEP C	2026	2026	0	C!H14792

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14792
RCEP D	2022	2022	0	D!D14791
RCEP D	2023	2023	0	D!E14791
RCEP D	2024	2024	0	D!F14791
RCEP D	2025	2025	0	D!G14791
RCEP D	2026	2026	0	D!H14791
RCEP D	2027	2027	0	D!I14791
RCEP E	2022	2022	0	E!D14795
RCEP E	2023	2023	0	E!E14795
RCEP E	2024	2024	0	E!F14795
RCEP E	2025	2025	0	E!G14795
RCEP E	2026	2026	0	E!H14795
RCEP E	2027	2027	0	E!I14795
RCEP F	2022	2022	0	F!D14792
RCEP F	2023	2023	0	F!E14792
RCEP F	2024	2024	0	F!F14792
RCEP F	2025	2025	0	F!G14792
RCEP F	2026	2026	0	F!H14792
RCEP F	2027	2027	0	F!I14792
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13773
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13773
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13773
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13773

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8522.90 có 8 dòng thuế; dòng 8522.90.50 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Đầu đọc hình hoặc âm thanh, kiểu từ tính; đầu và thanh xoá từ.	8522.90.20 Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho máy trả lời điện thoại; 8522.90.30 Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho máy ghi hoặc tái tạo âm thanh dùng trong lĩnh vực điện ảnh; 8522.90.40 Cơ cấu ghi hoặc đọc băng video hoặc audio và đĩa compact; 8522.90.91 Bộ phận và phụ kiện khác của thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh dùng trong điện ảnh; 8522.90.92 Bộ phận khác của máy trả lời điện thoại; 8522.90.93 Bộ phận và phụ kiện khác của hàng hóa thuộc phân nhóm 8519.81 hoặc nhóm 85.21	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8522.90.50. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8522.90.50 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15459), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.